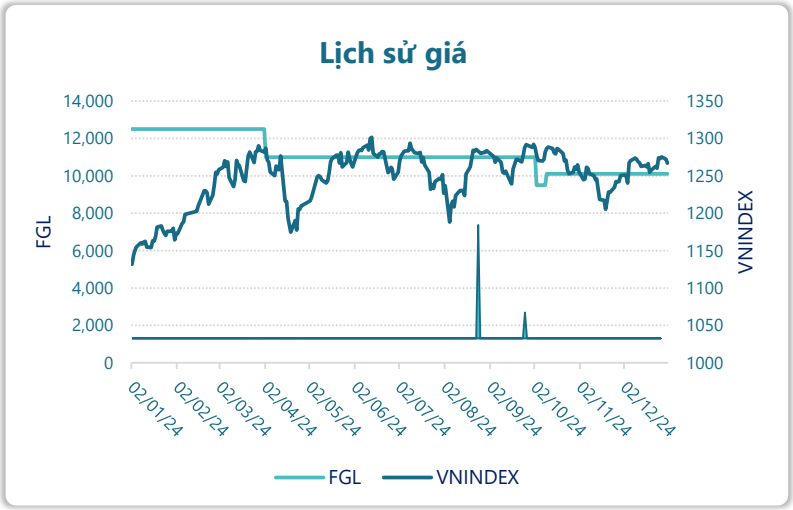
FireAnt

CTCP Cà phê Gia Lai (UPCOM: FGL)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
SL cổ phiếu LH	14,676,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	148
P/E	-16.0
EPS	-633

DT thuần

Q4/24

15.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.5| 25841%

YoY: ▲ 4.40| 39.0%

LN sau thuế

Q4/24

3.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0| 150%

YoY: ▲ 6.86| 236%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-16.9%

+/- YoY: ▲ 27.1%

DT thuần

2024

15.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.50| 39.5%

LN sau thuế

2024

-9.29

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.11| 25.3%

ROE

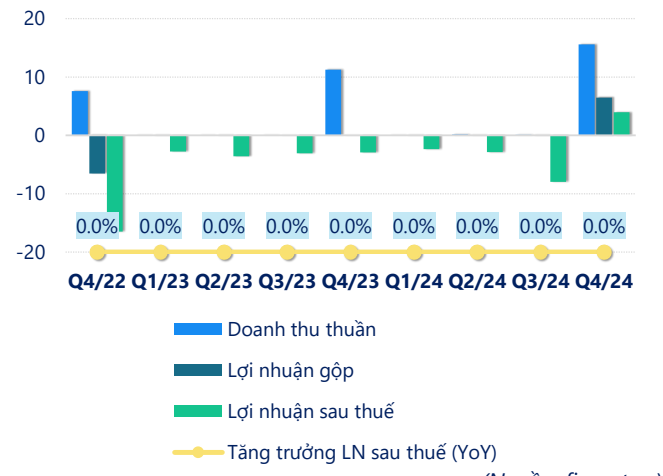
2024

-22.1%

+/- YoY: ▼ 3.3%

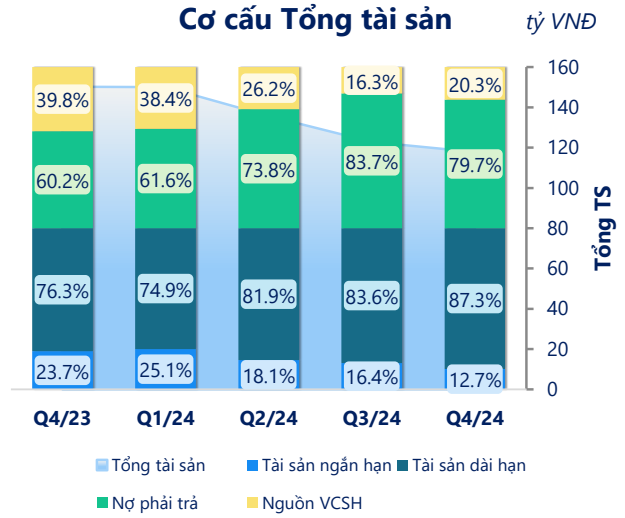
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



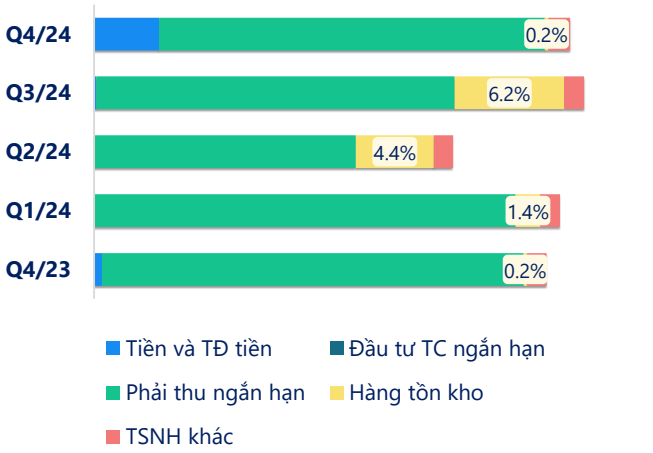
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



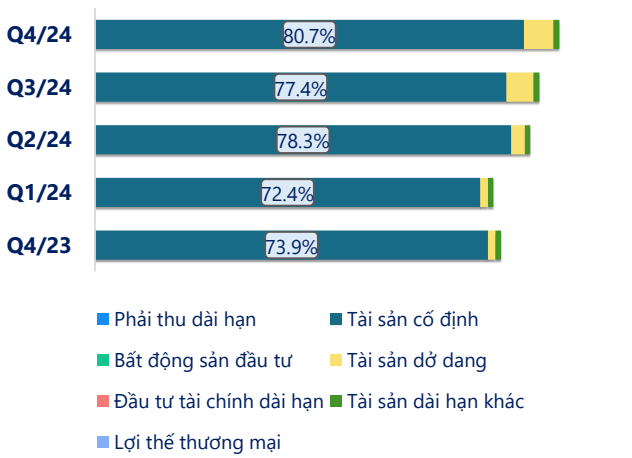
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



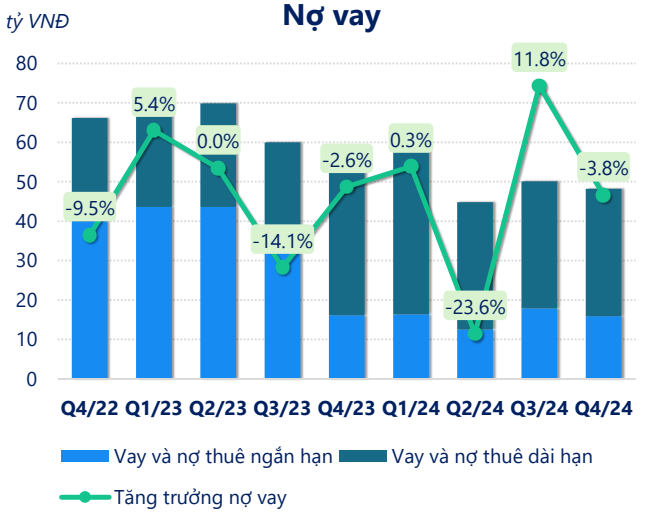
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



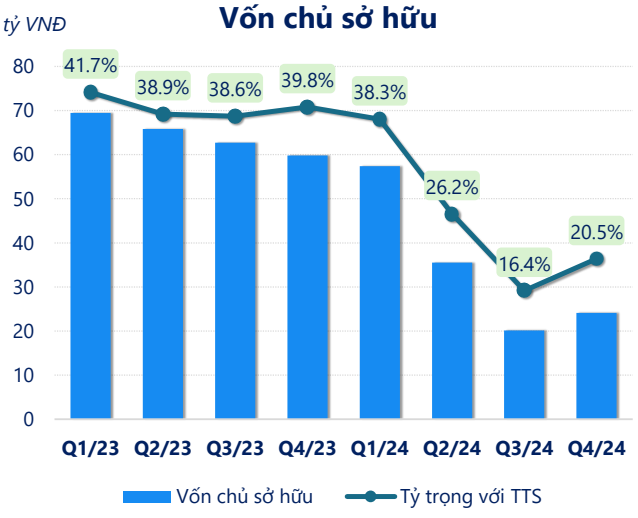
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



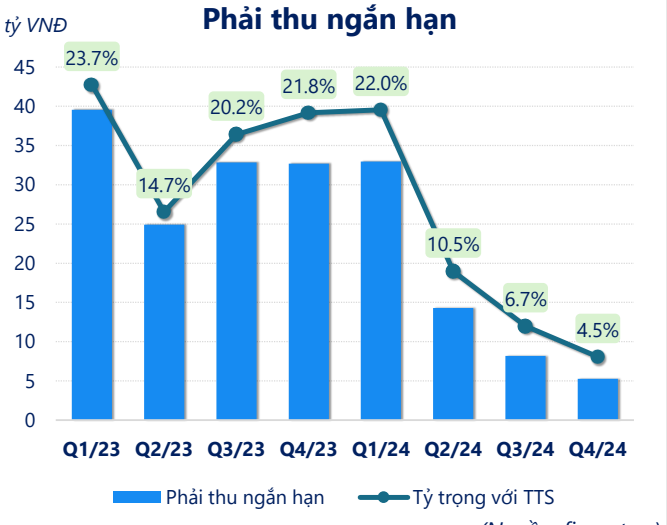
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



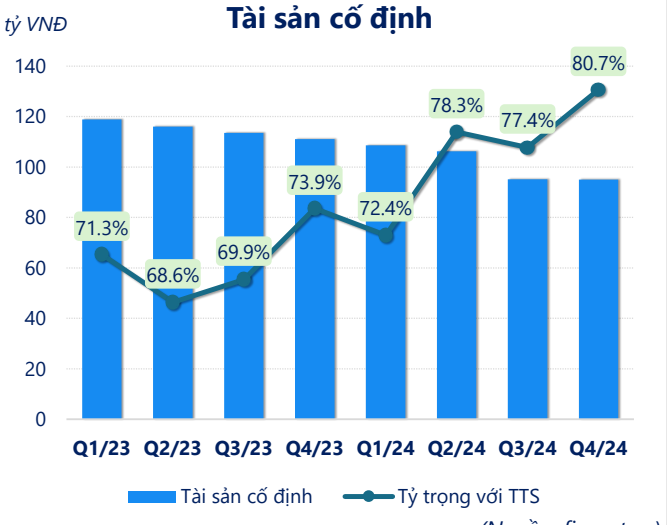
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



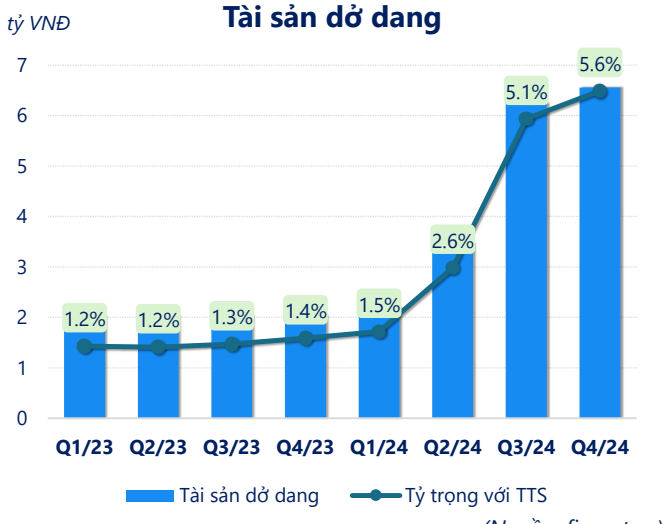
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



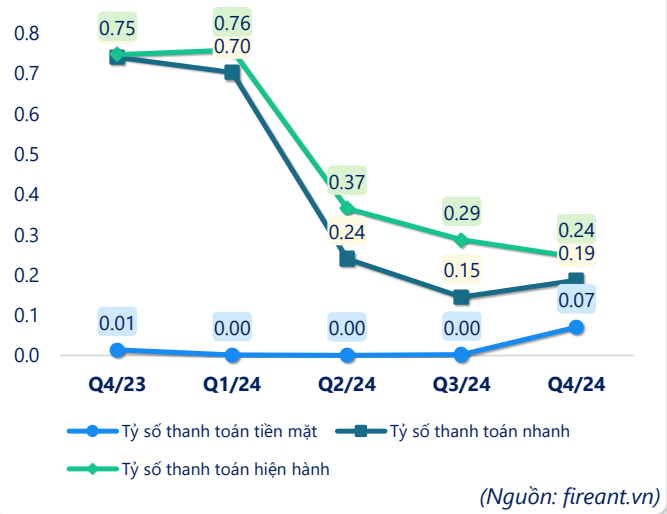
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



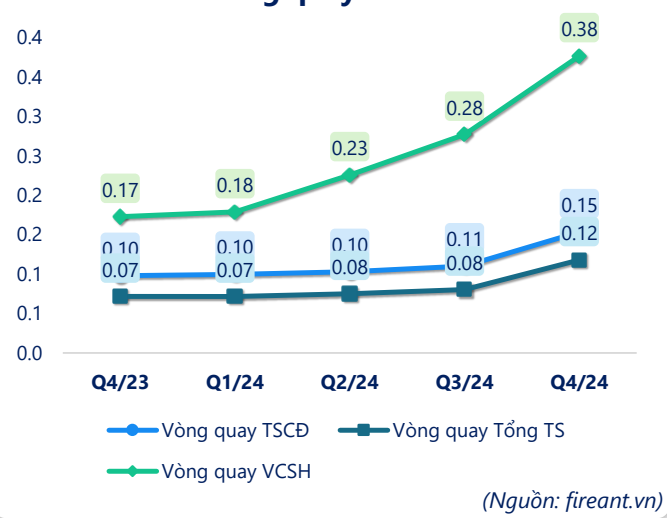
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**150**	**150**	**136**	**123**	**118**
Tài sản ngắn hạn	**35.5**	**37.6**	**24.6**	**20.1**	**14.9**
Tiền và tương đương tiền	0.68	0.07	0.03	0.15	4.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	32.7	33.0	14.3	8.18	5.28
Hàng tồn kho	0.31	2.77	8.43	9.98	3.53
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	1.84	1.84	1.84	1.82
Tài sản dài hạn	**115**	**112**	**111**	**103**	**103**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	111	109	106	95.1	95.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.04	2.21	3.47	6.25	6.56
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.59	1.51	1.43	1.36	1.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**90.4**	**92.4**	**100**	**103**	**94.0**
Nợ ngắn hạn	**47.6**	**49.6**	**67.4**	**70.0**	**61.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.2	16.4	12.6	17.9	16.0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	0.18	0.36	0.59	0.55
Nợ dài hạn	42.8	42.8	32.8	32.8	32.8
Vay và nợ thuê dài hạn	42.3	42.3	32.3	32.3	32.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**59.8**	**57.6**	**35.5**	**20.1**	**23.9**
Vốn chủ sở hữu	**59.8**	**57.4**	**35.5**	**20.1**	**24.1**
Vốn điều lệ	147	147	147	147	147
Kinh phí và quỹ khác	0.00	0.16	0.00	-0.08	-0.21

(Nguồn: fireant.vn)